

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 19.
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **654** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **22** tháng **9** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 34 HỒ SƠ CẤP CHỨNG NHẬN CHUNG CƯ LÔ 2-21,
PHƯỜNG AN KHÁNH (COVE RESIDENCES)

Kính gửi: Thuế cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC 1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính: <i>Theo danh sách đính kèm 34 hồ sơ.</i> 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: ngày 4 tháng 9 năm 2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: <i>Theo danh sách đính kèm 34 hồ sơ.</i> 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ: 2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có): 2.4. Mã số thuế (nếu có): 2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân: 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất 3.1.1. Thửa đất số: 3; Tờ bản đồ số: 54, phường Thủ Thiêm, Tp.Thủ Đức. Nay là thửa đất số: 3; Tờ bản đồ số: 131, phường An Khánh, Tp.Hồ Chí Minh. 3.1.2. Địa chỉ tại: 8 Nguyễn Thiện Thành, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí thửa đất: vị trí 1, đường Nguyễn Thiện Thành (đoạn từ đường Trần Bạch Đằng đến nút giao đường Trần Bạch Đằng và đường Tố Hữu). 3.1.3. Giá đất - Giá đất theo bảng giá: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024

của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giá đất cụ thể: m²
- Giá trúng đấu giá: m²
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

3.1.4. Diện tích thửa đất: 9.585,8m²

- Diện tích sử dụng chung: 9.585,8m²
- Diện tích sử dụng riêng: m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích đất trong hạn mức: m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒
- Có thời hạn:năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....
- Gia hạn năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....

3.1.9. Hình thức sử dụng đất:

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT80318 ngày 8 tháng 5 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: Theo danh sách đính kèm 34 hồ sơ

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m² /diện tích sử dụng: m².

3.2.4. Diện tích sở hữu chung/riêng: m²

3.2.5. Số tầng: 02 hầm + 16 tầng nổi.

Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT

3.2.6. Nguồn gốc:

3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: năm 2021.

3.2.8. Thời hạn sở hữu đến:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 34 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- Hợp đồng mua bán căn hộ; Văn bản chuyển nhượng.
- Biên bản bàn giao nhà.
- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở;
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để đăng tin);
- Công ty TNHH LD Thành phố Đế Vương;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 1326/2025 *ml*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

DANH SÁCH 34 HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHUNG CƯ LÔ 2-21, SỐ 08 NGUYỄN THIỆN THÀNH, PHƯỜNG AN KHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH (COVE RESIDENCES)

Đính kèm Phiếu chuyển số**654**.../PCTT-VPĐK-ĐK ngày **22**/**9**.../2025 của Văn phòng ĐKĐĐT

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo Quyết định cấp sổ nhà	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Diện tích sử dụng (m²)
1	792709412025001326	Ông: TRẦN HỒNG DŨNG Năm sinh: 11/01/1962; CCCD số: 022062002776 Địa chỉ thường trú: Số nhà 200/16 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Khu Phố 2, Phường Phú Nhuận, Tp.HCM Bà: NGUYỄN THỊ HÀ Năm sinh: 18/06/1977; CCCD số: 022177004570 Địa chỉ thường trú: Số nhà 200/16 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Khu Phố 2, Phường Phú Nhuận, Tp.HCM	T1-05-01	Căn hộ số 5.04, tầng 5, Tháp T1	152.30	142.90
2	792709412025001327	Ông: TRẦN QUANG TRƯỜNG Năm sinh: 13/08/1968; CCCD số: 001068007424 Địa chỉ thường trú: 46 Trần Văn Danh, Khu Phố 13, Phường Tân Bình, Tp.HCM Bà: PHAN BÍCH VÂN Năm sinh: 10/11/1969; CCCD số: 001169018088 Địa chỉ thường trú: 46 Trần Văn Danh, Khu Phố 13, Phường Tân Bình, Tp.HCM	T1-05-03	Căn hộ số 5.02, tầng 5, Tháp T1	182.40	169.00
3	792709412025001328	Bà: LÊ THỊ BÍCH NGÀ Năm sinh: 13/08/1965; CCCD số: 079165020890 Địa chỉ thường trú: 476,478 Đường Sư Vạn Hạnh, Tổ dân phố 38, Phường Vườn Lài, Tp.HCM	T1-05-04	Căn hộ số 5.03, tầng 5, Tháp T1	212.30	197.60
4	792709412025001329	Bà: HUỖNH VIỆT THẨM Năm sinh: 18/08/1978; CCCD số: 093178001036 Địa chỉ thường trú: C1/17 Chung Cư 189 Cống Quỳnh, Khu Phố 1, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM	T1-06-03	Căn hộ số 6.02, tầng 6, Tháp T1	180.50	167.70
5	792709412025001330	Ông: NGUYỄN VIỆT DŨNG Năm sinh: 01/01/1971; CCCD số: 079071033165 Địa chỉ thường trú: 01 Đường Nội Khu Chateau 3 (Khu Chateau-S8), Khu Phố 26, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM Bà: LÊ THỊ THU PHONG Năm sinh: 12/04/1973; CCCD số: 079173005608 Địa chỉ thường trú: 01 Đường Nội Khu Chateau 3 (Khu Chateau-S8), Khu Phố 26, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM	T1-07-04	Căn hộ số 7.03, tầng 7, Tháp T1	210.30	195.70
6	792709412025001331	Bà: NGUYỄN THANH PHƯƠNG Năm sinh: 20/03/1980; CCCD số: 091180000104 Địa chỉ thường trú: 91 Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố 3, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM	T1-08-04	Căn hộ số 8.03, tầng 8, Tháp T1	210.30	195.70
7	792709412025001333	Ông: TRẦN VIỆT ANH Năm sinh: 11/07/1962; CCCD số: 001062053968 Địa chỉ thường trú: 27 đường Đ6, Khu biệt thự Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cánh, Khu Phố 15, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM Bà: NGUYỄN THỊ MỸ PHỤNG Năm sinh: 19/03/1967; CCCD số: 079167012092 Địa chỉ thường trú: 27 đường Đ6, Khu biệt thự Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cánh, Khu Phố 15, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM	T1-10-02	Căn hộ số 10.01, tầng 10, Tháp T1	153.10	142.50
8	792709412025001334	Bà: HUỖNH PHƯƠNG LAN Năm sinh: 18/04/1970; CCCD số: 001170013594 Địa chỉ thường trú: A37 Khu Nam Quang 2, Khu phố 45, Phường Tân Hưng, Tp.HCM	T1-11-03	Căn hộ số 11.02, tầng 11, Tháp T1	180.40	167.60
9	792709412025001335	Ông: PHÙNG QUỐC KHÁNH Năm sinh: 28/06/1954; CCCD số: 054054000558 Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn An Ninh, Khu phố 6, Phường Bến Thành, Tp.HCM Bà: LƯƠNG THỊ KIM PHỤNG Năm sinh: 13/08/1956; CCCD số: 079156012400 Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn An Ninh, Khu phố 6, Phường Bến Thành, Tp.HCM	T1-11-04	Căn hộ số 11.03, tầng 11, Tháp T1	210.30	195.70

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)
10	792709412025001336	Ông: ĐỖ QUANG TIẾN Năm sinh: 17/11/1984; CCCD số: 001084022259 Địa chỉ thường trú: 220/50A/52C Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Phố 14, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM Bà: HOÀNG CẨM THANH Năm sinh: 11/06/1986; CCCD số: 077186000345 Địa chỉ thường trú: 220/50A/52C Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Phố 14, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM	T1-12-01	Căn hộ số 12.04, tầng 12, Tháp T1	151.60	142.30
11	792709412025001337	Ông: NGUYỄN HỒNG THẮNG Năm sinh: 15/12/1970; CCCD số: 001070027689 Địa chỉ thường trú: 165/2 Đường Ba Tháng Hai, Tổ 36, Phường Vườn Lài, Tp.HCM Bà: NGUYỄN THỊ THẨM Năm sinh: 11/10/1979; CCCD số: 001179038912 Địa chỉ thường trú: 219F Nơ Trang Long, Khu phố 7, Phường Bình Thạnh, Tp.HCM	T1-12-03	Căn hộ số 12.02, tầng 12, Tháp T1	180.40	167.60
12	792709412025001338	Ông: LƯU NGỌC HIẾU Năm sinh: 03/04/1975; CCCD số: 079075034613 Địa chỉ thường trú: 600/14 Hồng bàng, Khu Phố 6, Phường Minh Phụng, Tp.HCM Bà: TRƯƠNG NGỌC MAI Năm sinh: 16/10/1976; CCCD số: 079176006110 Địa chỉ thường trú: 39F/5 Ngõ Nhân Tĩnh, Phường Bình Tiên, Tp.HCM	T1-12A-01	Căn hộ số 13.04, tầng 12A, Tháp T1	151.60	142.30
13	792709412025001339	Bà: NGUYỄN THỊ THU HÒA Năm sinh: 30/10/1987; CCCD số: 017187000459 Địa chỉ thường trú: Căn hộ T1A-03.05 Linden, Số 5 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 36, Phường An Khánh, Tp.HCM	T1-14-01	Căn hộ số 14.04, tầng 14, Tháp T1	151.60	142.30
14	792709412025001340	Bà: TRẦN THỊ THU HUYỀN Năm sinh: 20/11/1973; CCCD số: 093173001371 Địa chỉ thường trú: 102 Chi Lăng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.	T1-14-02	Căn hộ số 14.01, tầng 14, Tháp T1	153.10	142.50
15	792709412025001341	CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN TRẦN THÁI Mã số thuế: 0302411126 Địa chỉ trụ sở: 12/39 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	T1-15-01	Căn hộ số 15.04, tầng 15, Tháp T1	151.60	142.30
16	792709412025001342	Ông: PHÙNG DUY KHƯƠNG Năm sinh: 24/07/1976; CCCD số: 079076009741 Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn An Ninh, Khu Phố 6, Phường Bến Thành, Tp.HCM	T1-15-02	Căn hộ số 15.01, tầng 15, Tháp T1	153.10	142.50
17	792709412025001343	Ông: NGUYỄN VŨ ANH Năm sinh: 08/08/1971; CCCD số: 001071008738 Địa chỉ thường trú: B4801 Tòa B Chung cư 48 Tầng Keangnamvina, Tổ dân phố Số 2, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội. Bà: LÊ THỰC UYÊN Năm sinh: 16/08/1972; CCCD số: 001172007615 Địa chỉ thường trú: B4801 Tòa B Chung cư 48 Tầng Keangnamvina, Tổ dân phố Số 2, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.	T2-03-03	Căn hộ số 3.04, tầng 3, Tháp T2	82.30	76.30
18	792709412025001344	Bà: HUỖNH VIỆT THẨM Năm sinh: 18/08/1978; CCCD số: 093178001036 Địa chỉ thường trú: C1/17 Chung Cư 189 Cổng Quỳnh, Khu Phố 1, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM	T2-05-04	Căn hộ số 5.01, tầng 5, Tháp T2	97.00	90.40
19	792709412025001345	Ông: NGUYỄN THANH SƠN Năm sinh: 04/11/1971; CCCD số: 079071014519 Địa chỉ thường trú: Số LL1F đường Tam Đảo, Khu Phố 37, Phường Hòa Hưng, Tp.HCM Bà: PHAN THỊ BÍCH HỒNG Năm sinh: 11/10/1980; CCCD số: 079180010000 Địa chỉ thường trú: 195/14B Lê Văn Sỹ, Khu Phố 42, Phường Nhiều Lộc, Tp.HCM	T2-05-06	Căn hộ số 5.03, tầng 5, Tháp T2	167.30	156.90

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)
20	792709412025001346	Ông: TÔ HUÊ LỰC Năm sinh: 24/10/1965; CCCD số: 095065000925 Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Thuận, Xã Chợ Gạo, Tỉnh Đồng Tháp. Bà: LƯƠNG NGUYỆT NGA Năm sinh: 24/11/1969; CCCD số: 079169026509 Địa chỉ thường trú: 724 Nguyễn Đình Chiểu, Khu Phố 1, Phường Bàn Cờ, Tp.HCM	T2-06-02	Căn hộ số 6.02, tầng 6, Tháp T2	158.90	149.00
21	792709412025001347	Bà: PHẠM THỊ KIM OANH Năm sinh: 27/12/1976; CCCD số: 001176034866 Địa chỉ thường trú: Tổ 11, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội.	T2-06-03	Căn hộ số 6.03, tầng 6, Tháp T2	98.50	91.10
22	792709412025001348	Bà: TRẦN THỊ THU HUYỀN Năm sinh: 20/11/1973; CCCD số: 093173001371 Địa chỉ thường trú: 102 Chi Lăng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.	T2-06-05	Căn hộ số 6.05, Tầng 6, Tháp T2	160.40	151.20
23	792709412025001349	Ông: TRẦN VĨNH HẢI Năm sinh: 20/12/1980; CCCD số: 031080010046 Địa chỉ thường trú: Ấp 5, Xã Nam Cát Tiên, Tỉnh Đồng Nai. Bà: TRẦN THỊ KIM THANH Năm sinh: 17/02/1988; CCCD số: 025188000577 Địa chỉ thường trú: T4-23P4, Chung cư The Vista, Khu Phố 2, Phường An Khánh, Tp.HCM	T2-06-06	Căn hộ số 6.06, Tầng 6, Tháp T2	166.80	156.30
24	792709412025001350	Bà: TRẦN THỊ THU HUYỀN Năm sinh: 20/11/1973; CCCD số: 093173001371 Địa chỉ thường trú: 102 Chi Lăng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.	T2-08-06	Căn hộ số 8.06, tầng 8, Tháp T2	166.80	156.30
25	792709412025001351	Bà: PHẠM THỊ KIM OANH Năm sinh: 27/12/1976; CCCD số: 001176034866 Địa chỉ thường trú: Tổ 11, Phường Việt Hưng, Tp.Hà Nội.	T2-09-03	Căn hộ số 9.03, tầng 9, Tháp T2	99.40	91.50
26	792709412025001352	Bà: NGUYỄN XUÂN TÂM Năm sinh: 07/05/1987; CCCD số: 092187014135 Địa chỉ thường trú: 53 Nguyễn Thị Minh Khai, Khu Phố 3, Phường Sài Gòn, Tp.HCM	T2-09-04	Căn hộ số 9.04, tầng 9, Tháp T2	97.10	90.30
27	792709412025001353	Bà: NGUYỄN THỊ MỸ LINH Năm sinh: 26/12/1975; CCCD số: 079175008563 Địa chỉ thường trú: 79 Điện Biên Phủ, Khu Phố 9, Phường Tân Định, Tp.HCM	T2-11-02	Căn hộ số 11.02, tầng 11, Tháp T2	158.90	149.00
28	792709412025001354	Bà: HUỖNH VIỆT THẨM Năm sinh: 18/08/1978; CCCD số: 093178001036 Địa chỉ thường trú: C1/17 Chung Cư 189 Công Quỳnh, Khu Phố 1, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM	T2-11-05	Căn hộ số 11.05, tầng 11, Tháp T2	160.40	151.20
29	792709412025001355	Bà: NGUYỄN THỊ MỸ ANH Năm sinh: 10/01/1988; CCCD số: 079188010322 Địa chỉ thường trú: 79 Điện Biên Phủ, Khu Phố 9, Phường Tân Định, Tp.HCM	T2-11-06	Căn hộ số 11.06, tầng 11, Tháp T2	166.80	156.30
30	792709412025001356	Bà: TRẦN THỊ THU HUYỀN Năm sinh: 20/11/1973; CCCD số: 093173001371 Địa chỉ thường trú: 102 Chi Lăng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.	T2-12-06	Căn hộ số 12.06, tầng 12, Tháp T2	166.80	156.30
31	792709412025001357	Bà: HUỖNH VIỆT THẨM Năm sinh: 18/08/1978; CCCD số: 093178001036 Địa chỉ thường trú: C1/17 Chung Cư 189 Công Quỳnh, Khu Phố 1, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM	T2-14-01	Căn hộ số 14.01, tầng 14, Tháp T2	225.40	213.20
32	792709412025001358	Ông: THÁI BẢO ANH Năm sinh: 17/03/1974; CCCD số: 001074037627 Địa chỉ thường trú: Căn hộ T3-12.06, CC Đảo Kim Cương, Khu Phố 17, Phường Bình Trưng, Tp.HCM Bà: TRỊNH HUYỀN MI Năm sinh: 30/07/1982; CCCD số: 001182001080 Địa chỉ thường trú: CH số 1.31-tháp B CC cao tầng kết hợp TMDV, lô 1-16 số 20 Nguyễn Thiện Thành, Khu Phố 37, Phường An Khánh, Tp.HCM	T2-14-02	Căn hộ số 14.02, tầng 14, Tháp T2	158.90	149.00

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sử dụng (m ²)
33	792709412025001359	Ông: LÊ ĐỨC LÁNH Năm sinh: 04/03/1952; CCCD số: 034052003242 Địa chỉ thường trú: 159 Trần Quốc Thảo, Khu phố 1, Phường Nhiều Lộc, Tp.HCM Bà: HUỖNH THỊ KIM DUNG Năm sinh: 30/05/1959; CCCD số: 001159013773 Địa chỉ thường trú: 159 Trần Quốc Thảo, Khu phố 1, Phường Nhiều Lộc, Tp.HCM	T2-15-06	Căn hộ số 15.06, tầng 15, Tháp T2	166.80	156.30
34	792709412025001360	Ông: PHAN ANH DUY Năm sinh: 22/06/1990; CCCD số: 079090027846 Địa chỉ thường trú: Phòng 707 Chung cư 218 Nguyễn Đình Chiểu, Khu Phố 2, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM Bà: VÕ QUỲNH VY Năm sinh: 28/01/1991; CCCD số: 079191034783 Địa chỉ thường trú: Căn hộ T4-B28.10 Khu nhà ở cao tầng kết hợp Thương mại dịch vụ, 159 Võ Nguyên Giáp, Khu Phố 6, Phường An Khánh, Tp.HCM	T2-16-01	Căn hộ số 16.01, tầng 16, Tháp T2	438.00	415.10

ml